TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **12**/2025/DS-ST
Ngày: 20-3-2025
V/v:"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Lê Thị Na Na**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Xuân Thương

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Dương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà:*** Bà Lê Thị Kim Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 303/2024/TLST - DS ngày 31 tháng 10 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2025/QĐST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thúy N, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Số E B đường T, tổ B, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Bá N1, sinh năm 1958; địa chỉ: Số E B đường T, tổ B, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn:

- Ông Nguyễn Thành H, sinh năm 1971;

- Bà Đỗ Phương T, sinh năm 1982;

Cùng địa chỉ: Số B - B đường Q, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ hiện nay: Lô A - A đường số A, khu N, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Tại phiên toà ông Nguyễn Bá N1 vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Nguyễn Thành H, bà Đỗ Phương T đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/10/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày như sau:*

Vì có mối quan hệ quen biết, ngày 05/01/2023 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy N đã cho vợ chồng ông Nguyễn Thành H và bà Đỗ Phương T vay với số tiền 1.200.000.000 đồng (*Một tỷ, hai trăm triệu đồng*). Mục đích vay để đáo hạn Ngân hàng. Lãi suất và thời hạn vay do các bên thoả thuận (20 ngày kể từ ngày 05/01/2023). Đã đến thời hạn trả nợ, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy N đã nhiều lần yêu cầu bị đơn vợ chồng ông H, bà T phải trả nợ cho nguyên đơn nhưng bị đơn vợ chồng ông H, bà T không chịu trả nợ theo như giấy mượn tiền ngày 05/01/2023.

Để đảm bảo quyền lợi, cho nguyên đơn. Nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy N yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi giải quyết: Buộc bị đơn ông Nguyễn Thành H, bà Đỗ Phương T phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền nợ vay gốc 1.200.000.000 đồng cho nguyên đơn. Nguyên đơn không yêu cầu trả tiền lãi.

**** Đối với bị đơn ông Nguyễn Thành H, bà Đỗ Phương T:*** Từ khi thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử sơ thẩm bị đơn đều vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn. Mặt khác, bị đơn không gửi văn bản trình bày ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Không cung cấp tài liệu chứng cứ và không tham gia phiên tòa. Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành giải quyết, xét xử vụ án theo những tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi phát biểu như sau: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng của nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét thấy, việc vay mượn tiền giữa ông H, bà T và bà N có xác lập văn bản bằng hình thức Giấy mượn tiền ngày 05/01/2023, số tiền mượn là 1.200.000.000 đồng, dưới giấy mượn tiền có chữ ký xác nhận của ông Nguyễn Thành H và bà Đỗ Phương T, nội dung Giấy mượn tiền không thể hiện thời gian hoàn trả và không có lãi suất, vì vậy vào ngày 07/09/2024 bà Nguyễn Thị Thúy N đã có Thông báo yêu cầu trả nợ, yêu cầu ông H, bà T trả nợ nhưng ông H, bà T vẫn không trả nợ cho bà N.

Các bên xác lập các giấy mượn tiền trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, bên vi phạm phải chịu trách nhiệm do hành vi vi phạm nghĩa vụ của mình, căn cứ quy định tại các Điều 466, 469 BLDS việc bà N yêu cầu ông Nguyễn Thành H, bà Đỗ Phương T trả số tiền 1.200.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận. Đối với số tiền lãi, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy N không yêu cầu ông Nguyễn Thành H, bà Đỗ Phương T trả tiền lãi nên không xem xét.

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 469 BLDS 2015; các Điều 26, 35, 91, 92, 147 của Bộ luật TTDS năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy N. Buộc ông Nguyễn Thành H và bà Đỗ Phương T phải trả số tiền vay 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng) cho bà Nguyễn Thị Thúy N. Ông Nguyễn Thành H và bà Đỗ Phương T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả số tiền 24.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Thúy N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy N có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Thành H, bà Đỗ Thị Phương T phải trả số tiền nợ vay 1.200.000.000 đồng cho nguyên đơn. Tại thời điểm bà N khởi kiện thì bị đơn ông H, bà T có địa chỉ thường trú tại phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi đã thụ lý vụ án "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thúy N là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Ông Nguyễn Bá N1 là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Thành H, bà Đỗ Phương T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy N buộc bị đơn ông Nguyễn Thành H, bà Đỗ Phương T phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 1.200.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 05/01/2023, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ Giấy mượn tiền đề ngày 05/01/2023 có chữ ký của ông Nguyễn Thành H, bà Đỗ Phương T. Nội dung trong Giấy mượn tiền thể hiện ông Nguyễn Thành H, bà Đỗ Phương T ngày 05/01/2023 đã mượn 1.200.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Thúy N. Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 xác định Giấy

mượn tiền đề ngày 05/01/2023 là Hợp đồng vay tài sản giữa ông H, bà T với bà N.

Nguyên đơn bà N cho rằng thời hạn ông Nguyễn Thành H, bà Đỗ Phương T phải có nghĩa vụ trả nợ gốc cho bà là 20 ngày kể từ ngày 05/01/2023, nhưng đến nay bị đơn ông H, bà T chưa trả cho bà N số tiền đã vay 1.200.000.000 đồng theo giấy mượn tiền 05/01/2023 là vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Còn Bị đơn ông H, bà T không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà N, cũng như không giao nộp tài liệu chứng cứ, chứng minh cho việc đã trả tiền vay cho bà N. Căn cứ các Điều 463, Điều 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015 xác định ông H, bà T vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay cho bà N, việc vay tiền nhưng không trả là xâm phạm đến quyền về tài sản của bà N. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, buộc ông Nguyễn Thành H, bà Đỗ Phương T phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thúy N số tiền nợ gốc 1.200.000.000 đồng.

Bà N không yêu cầu ông H, bà T trả tiền lãi của số tiền đã vay. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc ông Nguyễn Thành H, bà Đỗ Phương T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng)

[4] Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 144, 147, 235, 238; 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 463, 466 và 469 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thúy N đối với ông Nguyễn Thành H, bà Đỗ Phương T

Buộc ông Nguyễn Thành H, bà Đỗ Phương T phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thúy N số tiền nợ gốc 1.200.000.000 đồng (Một tỷ, hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Thành H, bà Đỗ Phương T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 48.000.000 đồng (*Bốn mươi tám triệu đồng)*

- Bà Nguyễn Thị Thúy N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Thúy N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 24.000.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0003700 ngày 31/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS TP Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Na Na

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phước Đạt Lê Thị Huyền T1 Lê Thị Na N2